



(Theo tỷ giá chuyển đổi do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm xây dựng Văn kiện chương trình, dự án)

b) Vốn đối ứng: 0 VND

c) Vốn do các bên quản lý, thực hiện:

- Chủ dự án:

+ Tiền mặt: **160,597.4 EUR** nguyên tệ, tương đương **4,242,180,000 VND**

d) Vốn viện trợ: Không thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước.

### 11. Mục tiêu và kết quả chủ yếu của dự án

Đến năm 2026, việc tiếp cận thông tin và hợp tác trong lĩnh vực bảo vệ tài nguyên và môi trường của cán bộ địa phương và người dân đặc biệt là các nhóm yếu thế như phụ nữ, người dân tộc thiểu số, người khuyết tật được tăng cường. Qua đó, góp phần vào quản lý bền vững tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường tại địa phương.

**Kết quả 1:** Chuẩn hóa Trang thông tin điện tử các cơ quan cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã theo Nghị định 42/2022/NĐ-CP về cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến và Luật tiếp cận thông tin, đảm bảo nguyên tắc an toàn dữ liệu. Giúp người dân dễ tiếp cận đối với các thông tin do chính quyền địa phương ban hành, trong đó có các thông tin về quản lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường.

**Kết quả 2:** Các cơ quan quản lý nhà nước cấp tỉnh, huyện Bồ Trạch và các xã Xuân Trạch, Phú Định, thị trấn Phong Nha được nâng cao năng lực, thực hiện hiệu quả Luật Tiếp cận thông tin, Nghị định 42/2022/NĐ-CP nói chung và các thông tin về quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường nói riêng.

**Kết quả 3:** Cộng đồng các xã Xuân Trạch, Phú Định được nâng cao năng lực về Luật tiếp cận thông tin và tiếp cận tốt hơn đến các thông tin về tài nguyên, môi trường, nông, lâm nghiệp thông qua các hoạt động truyền thông, nâng cao năng lực và hoạt động của các nhóm nòng cốt tại cộng đồng.

**Kết quả 4:** Từ các bài học kinh nghiệm của dự án, các báo cáo, đề xuất chính sách hoặc tư liệu hóa kinh nghiệm thực hiện các mô hình thí điểm được xây dựng và gửi tới các bên liên quan.

Quảng Bình, ngày 08 tháng 10 năm 2024

**Chủ Dự án ký tên và đóng dấu**



TRUNG TÂM  
CÔNG NGHỆ  
THÔNG TIN VÀ  
TRUYỀN THÔNG

SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG  
TỈNH QUẢNG BÌNH

Trần Diễm Phúc

## NỘI DUNG VĂN KIẾN CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN HỖ TRỢ KỸ THUẬT

### I. CĂN CỨ HÌNH THÀNH DỰ ÁN

#### 1. Cơ sở pháp lý của dự án

- a) Quyết định về chức năng, nhiệm vụ của Chủ dự án, Cơ quan chủ quản
- Quyết định số 46/QĐ-UBND ngày 12 tháng 01 năm 2007 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc Thành lập Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông tỉnh Quảng Bình;
  - Quyết định số 3119/QĐ-UBND ngày 11 tháng 11 năm 2022 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông trực thuộc Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Quảng Bình.
- b) Quyết định về chức năng, nhiệm vụ của Đơn vị phối hợp thực hiện dự án
- Quyết định số 63/QĐ-LHHVN ngày 02/01/2015 của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam về việc Thành lập Trung tâm Nghiên cứu Quản trị Tài nguyên Vùng cao;
  - Quyết định số 1094/QĐ-LHHVN ngày 13/12/2021 của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam phê duyệt lại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Trung tâm Nghiên cứu Quản trị tài nguyên vùng cao;
  - Giấy chứng nhận Khoa học và Công nghệ số A-1253, ngày 07/01/2022 do Bộ Khoa học và Công nghệ cấp;
- c) Các văn bản pháp lý liên quan khác
- Văn bản pháp lý cấp Trung ương
- Luật Công nghệ Thông tin số 67/2006/QH11;
  - Luật Tài Nguyên nước số 17/2012/QH13 ;
  - Luật Tiếp cận thông tin số 104/2016/QH13;
  - Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14;
  - Luật An ninh Mạng số 24/2018/QH14;
  - Luật Dân chủ cơ sở số 10/2022/QH15
  - Luật Giao dịch điện tử số 20/2023/QH15;
  - Luật Đất đai số 31/2024/QH15
  - Nghị định số 13/2018/NĐ-CP ngày 23/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Tiếp cận thông tin;
  - Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước;
  - Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ về cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;
  - Nghị định số 13/2023/NĐ-CP ngày 17/4/2023 của Chính phủ về Bảo vệ dữ liệu cá nhân;

- Nghị định số 49/2024/NĐ-CP ngày 10/5/2024 của Chính phủ Quy định về hoạt động thông tin cơ sở;
- Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;
- Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;
- Thông tư số 21/2014/TT-BXD ngày 29/12/2014 của Bộ Xây dựng ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng công trình đảm bảo người khuyết tật tiếp cận sử dụng;
- Quyết định số 1055/QĐ-TTg ngày 20/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050;
- Quyết định số 523/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Quyết định số 524/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Trồng một tỷ cây xanh giai đoạn 2021 - 2025";
- Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược Bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050
- Chỉ thị số 02/CT-TTg ngày 26/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số, thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia;
- Công văn số 3768/BTNMT-VP Ngày 01/7/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc kết nối, tích hợp, cung cấp dịch vụ công trực tuyến sử dụng xác thực, chia sẻ dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư ;
- Công văn số 5186/BTNMT-CNTT ngày 05/9/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc triển khai kết nối, chia sẻ Cơ sở dữ liệu đất đai với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư;
- Công văn số 4946/BTTTT-CĐSQG ngày 04/10/2022 hướng dẫn triển khai Nghị định 42/2022/NĐ-CP về cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến;
- Công văn số 7706/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 19/12/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về kết nối, tích hợp, cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia năm 2022;

*Văn bản pháp lý thực hiện chuyển đổi số và thực thi Luật Tiếp cận thông tin trên địa bàn tỉnh Quảng Bình*

Để thực hiện chuyển đổi số và thực thi Luật Tiếp cận thông tin trên địa bàn tỉnh Quảng Bình, UBND tỉnh đã ban hành một số văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, cụ thể như sau:

- Kế hoạch số 2394/KH-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh về ứng dụng CNTT trong hoạt động cơ quan nhà nước, phát triển chính quyền số và bảo đảm ATTT mạng trên địa bàn tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2021-2025.

- Công văn số 12/KH-HĐPH ngày 02/02/2022 của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh về việc thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật về tiếp cận thông tin năm 2022. Công văn đã đề ra các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật về tiếp cận thông tin năm 2022, trong đó có nhiệm vụ "Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về tiếp cận thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng".

- Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 31/3/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Quảng Bình đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, Nghị quyết xác định mục tiêu tổng quát của chuyển đổi số tỉnh Quảng Bình là: "Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số, chuyển đổi số toàn diện trên tất cả các lĩnh vực, tạo nền tảng vững chắc để phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, góp phần đưa Quảng Bình trở thành tỉnh phát triển khá trong khu vực". Để đạt được mục tiêu này, Nghị quyết đã đề ra các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu, trong đó có nhiệm vụ "Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về chuyển đổi số".

- Kế hoạch số 698/KH-UBND ngày 28/4/2022 của UBND tỉnh về chuyển đổi số giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 để thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 31/3/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Bình; Kế hoạch đã đề ra các mục tiêu cụ thể về chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Quảng Bình, trong đó có mục tiêu "100% cơ quan, đơn vị, địa phương hoàn thành việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4". Để đạt được mục tiêu này, Kế hoạch đã đề ra các giải pháp, trong đó có giải pháp "Nâng cao nhận thức và năng lực về chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức".

- Công văn số 822/UBND-KSTTHC ngày 18/5/2022 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 02/CT-TTg ngày 26/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số, thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia;

- Kế hoạch số 1141/KH-UBND ngày 28/6/2022 của UBND tỉnh triển khai thực hiện phát triển kinh tế số và xã hội số giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

- Công văn số 738/UBND-NC ngày 15/7/2022 của UBND tỉnh về việc tăng cường công tác tiếp cận thông tin trên địa bàn tỉnh Quảng Bình. Các văn bản này đã tạo cơ sở pháp lý và định hướng cho việc thực hiện chuyển đổi số và thực thi Luật Tiếp cận thông tin trên địa bàn tỉnh Quảng Bình. Công văn đã yêu cầu các sở, ban, ngành, đoàn thể, UBND các huyện, thị xã, thành phố tăng cường công tác tiếp cận thông tin trên địa bàn tỉnh Quảng Bình, trong đó có các nhiệm vụ sau:

+ Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về tiếp cận thông tin.

+ Nâng cao năng lực tiếp cận thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức và người dân.

+ Tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tiếp cận thông tin

- Kế hoạch số 1975/KH-UBND ngày 25/10/2022 của UBND tỉnh thực hiện Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030" tại tỉnh Quảng Bình.

- Công văn số 1675/UBND-NCVX ngày 21/8/2023 của UBND tỉnh về tăng cường triển khai thi hành Luật Tiếp cận thông tin: trong đó yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức tuyên truyền, phổ biến nội dung của Luật Tiếp cận thông tin và các văn bản hướng dẫn thi hành; rà soát, bố trí hợp lý đơn vị, bộ phận và người làm đầu mối cung cấp thông tin của cơ quan, đơn vị.

## 2. Bối cảnh của dự án

### a) Sự cần thiết của việc thực hiện dự án

Quản lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường là một trong ba trụ cột trong phát triển bền vững. Để làm được điều đó, hệ thống pháp luật của quốc gia phải được dần hoàn thiện và đi vào cuộc sống. Thời gian qua, một số Luật đã được Quốc hội ban hành, kịp thời hỗ trợ công tác quản lý về tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường, có thể nói đến như: Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/2/2022; Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 và vừa qua, ngày 18 tháng 01 năm 2024, Quốc hội Việt Nam đã ban hành Luật Đất đai số: 31/2024/QH15, có hiệu lực từ ngày 01/01/2025. Song song với việc ban hành các Luật và văn bản dưới luật, Chính phủ và các bộ ngành cũng đồng thời phê duyệt các chiến lược, chương trình nhằm thúc đẩy quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường bền vững, nổi bật như: Chiến lược Bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050... Việc ban hành các văn bản luật và chính sách nêu trên nhằm kịp thời thể chế hóa quan điểm của Đảng, Nhà nước Việt Nam về tăng cường quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và đảm bảo thực thi pháp luật quốc tế mà Việt Nam đã cam kết thực hiện.

Quảng Bình là một trong những địa phương có nguồn tài nguyên đa dạng và phong phú bao gồm đất đai, khoáng sản, mặt nước, nước ngầm, rừng, năng lượng tái tạo... đưa đến nhiều tiềm năng và lợi thế cho phát triển kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, việc khai thác và sử dụng tài nguyên chưa thực sự hiệu quả, một số nơi còn có những lãng phí và có thể tạo ra các nguy cơ về môi trường<sup>2</sup>. Điều này do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan, trong đó có nguyên nhân như: lực lượng cán bộ nhà nước ở các cấp còn mỏng, địa bàn quản lý rộng, năng lực cán bộ tại một số nơi còn hạn chế, điều kiện cơ sở vật chất làm việc chưa đáp ứng được yêu cầu công việc, nhiều người dân, doanh nghiệp còn chưa ý thức được tầm quan trọng của việc khai thác bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường...

Để thực thi hiệu quả các chính sách trên thì việc thúc đẩy sự tham gia của tất cả các bên liên quan như doanh nghiệp, cơ quan nhà nước, cộng đồng dân cư là một trong những yếu tố quan trọng và không thể thiếu, đặc biệt là khi thời kỳ chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ. Nhằm giúp người dân và các bên liên quan có thể tham gia hiệu quả vào quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường thì việc cung cấp và tiếp cận đầy đủ thông tin cho người dân là vô cùng quan trọng. Điều này được khẳng định tại điều 2 của Luật Bảo vệ môi trường 2020 và Luật Tiếp cận thông tin năm 2016. Theo đó, Luật Tiếp cận thông tin đã chỉ ra vai trò, trách nhiệm của các cơ quan Nhà nước trong việc đảm bảo cung cấp thông tin cho người dân và ngược lại người dân cũng có quyền

<sup>2</sup> <https://stnmt.quangbinh.gov.vn/chi-tiet-tin/-/view-article/1/441071382670252290/1680077797685>.

được tiếp cận các thông tin phù hợp liên quan tới phát triển kinh tế, xã hội tại địa phương.

*b) Các chương trình, dự án tương tự đã thực hiện*

Trong giai đoạn 2020 - 2021, TTCNTT đã phối hợp với CEGORN thực hiện các giải pháp thúc đẩy thực thi Luật Tiếp cận thông tin thông qua mô hình thí điểm cải thiện trang thông tin điện tử xã Xuân Trạch. Đồng thời nâng cao kỹ năng về vận hành trang thông tin điện tử và kỹ năng cung cấp thông tin cho người dân đối với cán bộ, công nhân viên chức tại xã Xuân Trạch và huyện Bố Trạch.

Trong giai đoạn 2019 - 2022, CEGORN đã triển khai các hoạt động liên quan đến thúc đẩy pháp luật về lâm nghiệp, đất đai trong khuôn khổ dự án MRLG, trong đó có tỉnh Quảng Bình.

Ngoài ra, CEGORN phối hợp với các tổ chức khoa học công nghệ thành lập liên minh để hỗ trợ việc thực thi Luật Lâm nghiệp thông qua hoạt động cải tiến trên thực tế bằng các mô hình thí điểm phát triển mô hình quản lý rừng cộng đồng khác nhau.

TTCNTT đã tổ chức triển khai các nhiệm vụ trong khuôn khổ Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và giảm nghèo thông tin; tổ chức sản xuất, đăng tải các tác phẩm báo chí truyền thông, thực hiện sản xuất video clip chuyên đề, infographic về CDS trong nông nghiệp nông thôn... để đăng trên hệ thống Cổng/ trang thông tin điện tử cấp xã và phát trên sóng đài Truyền thanh cấp tỉnh/huyện.

**3. Các vấn đề sẽ được giải quyết trong khuôn khổ dự án**

Trên cơ sở tham vấn, khảo sát tại cộng đồng, địa phương và theo định hướng, chủ trương của UBND tỉnh Quảng Bình, đồng thời học hỏi các bài học kinh nghiệm từ các mô hình đã thực hiện thành công tại xã Xuân Trạch, mô hình tại tỉnh Hà Giang và các địa phương khác, có thể đưa ra các vấn đề cần giải quyết như sau:

- Tăng cường sự tham gia và sự hợp tác giữa các bên liên quan gồm các cơ quan Nhà nước, các tổ chức khoa học công nghệ, các chuyên gia, nhà khoa học, người dân địa phương, đặc biệt là nhóm người yếu thế trong xây dựng mô hình “*Tăng cường tiếp cận thông tin thông qua chuyển đổi số trong quản lý bền vững tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường*”.

- Nâng cao năng lực cho cán bộ và người dân địa phương trong quá trình thực hiện pháp luật liên quan đến tiếp cận thông tin và tiếp cận thông tin trong lĩnh vực quản lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường. Trên cơ sở đó, góp phần cải thiện việc thực thi Luật tiếp cận thông tin phù hợp với chương trình Chuyển đổi số của Chính phủ.

- Đưa ra các góp ý và khuyến nghị dựa trên bằng chứng, nghiên cứu giúp đóng góp vào các quy trình ra quyết định liên quan đến tiếp cận thông tin trong quản lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường.

**4. Những đối tượng thụ hưởng trực tiếp của dự án**

- Người dân tỉnh Quảng Bình, đặc biệt là các nhóm yếu thế và doanh nghiệp sẽ có cơ hội được tiếp cận nhiều thông tin hơn và nhận thức rõ hơn về quyền tiếp cận thông tin, quyền riêng tư và bảo vệ dữ liệu cá nhân theo quy định của Luật Tiếp cận thông tin, Nghị định 42/2022/NĐ-CP, Nghị định 13/2023/NĐ-CP. Qua đó, góp phần vào quản lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường ngày càng tốt hơn.

- Cán bộ và cơ quan liên quan như Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tư Pháp, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở NN&PTNT, Ban Dân tộc,... sẽ được hỗ trợ để có điều kiện tốt hơn trong việc thực hiện các quy định của Luật Tiếp cận thông tin, Nghị định 42/2022/NĐ-CP, Công văn 4946/BTTTT-CĐSQG năm 2022 hướng dẫn triển khai Nghị định 42/2022/NĐ-CP về cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến đặc biệt là trong lĩnh vực quản lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường. Nhờ đó, mối quan hệ giữa người dân và chính quyền địa phương được củng cố, giảm các rủi ro về tranh chấp giữa chính quyền và người dân địa phương do thiếu thông tin và điều kiện thực hiện.

## II. CƠ SỞ ĐỀ XUẤT BÊN CUNG CẤP VIỆN TRỢ

Chuyển đổi số là một trong những ưu tiên trong quá trình phát triển của tỉnh Quảng Bình. Trong thời gian gần đây, UBND tỉnh đã tích cực chỉ đạo triển khai các chính sách và hỗ trợ liên quan đến chuyển đổi số, thúc đẩy thực thi Luật Tiếp cận thông tin. Trong đó, mối quan tâm lớn trong quá trình triển khai dự án là cung cấp thông tin qua hệ thống Cổng/trang thông tin tại các địa phương với 151 trang thông tin điện tử cấp xã, 7 trang thông tin điện tử cấp huyện/thị xã/ thành phố cùng với các trang thông tin của các sở ban ngành. Tuy nhiên, do nhiều yếu tố liên quan đến năng lực, phương pháp nên việc triển khai các nội dung trên chưa thực sự mạnh mẽ, kết quả mang lại chưa cao.

Bên cạnh đó, Quảng Bình nói chung và huyện Bố Trạch nói riêng là địa phương có độ đa dạng sinh học cao cùng với nguồn tài nguyên thiên nhiên vô cùng phong phú bao gồm: tài nguyên nước, rừng, đất đai, khoáng sản, năng lượng tái tạo... tuy nhiên, việc khai thác và sử dụng tài nguyên chưa thực sự hiệu quả, một số nơi còn có những lãng phí và có thể tạo các nguy cơ về môi trường. Điều này do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan, trong đó có nguyên nhân như: lực lượng cán bộ nhà nước ở các cấp còn mỏng, địa bàn quản lý rộng, năng lực cán bộ tại một số nơi còn hạn chế, điều kiện cơ sở vật chất làm việc chưa đáp ứng được yêu cầu công việc, nhiều người dân, doanh nghiệp còn chưa ý thức được tầm quan trọng của việc khai thác bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường.

Chính vì vậy, tăng cường tiếp cận thông tin thông qua chuyển đổi số trong quản lý bền vững tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường là một trong những giải pháp cấp thiết, phù hợp với chính sách và định hướng phát triển.

## III. MỤC TIÊU VÀ KẾT QUẢ DỰ KIẾN CỦA DỰ ÁN

### 1. Mục tiêu chung

Đến năm 2026, việc tiếp cận thông tin và hợp tác trong lĩnh vực bảo vệ tài nguyên và môi trường của cán bộ địa phương và người dân đặc biệt là các nhóm yếu thế như phụ nữ, người dân tộc thiểu số, người khuyết tật được tăng cường. Qua đó, góp phần vào quản lý bền vững tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường tại địa phương.

### 2. Mục tiêu cụ thể

**Mục tiêu 01:** Năng lực thực thi Luật Tiếp cận thông tin nói chung và tiếp cận thông tin trong lĩnh vực bảo vệ tài nguyên và môi trường tại Quảng Bình được cải thiện, qua đó đóng góp cho sự phát triển bền vững của địa phương.

**Mục tiêu 02.** Các chính sách và pháp luật về tiếp cận thông tin nói chung và tiếp cận thông tin trong lĩnh vực về quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường phù hợp với chủ trương chuyển đổi số của Chính phủ, của tỉnh Quảng Bình và được thực thi hiệu quả qua quá trình nghiên cứu, góp ý dựa trên cơ sở kinh nghiệm thực tiễn.

### 3. Kết quả dự án

**Kết quả 1:** Chuẩn hóa Trang thông tin điện tử các cơ quan cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã theo Nghị định 42/2022/NĐ-CP về cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến và Luật tiếp cận thông tin, đảm bảo nguyên tắc an toàn dữ liệu. Giúp người dân dễ tiếp cận đối với các thông tin do chính quyền địa phương ban hành, trong đó có các thông tin về quản lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường.

**Kết quả 2:** Các cơ quan quản lý nhà nước cấp tỉnh, huyện Bố Trạch và các xã Xuân Trạch, Phú Định, thị trấn Phong Nha được nâng cao năng lực, thực hiện hiệu quả Luật Tiếp cận thông tin, Nghị định 42/2022/NĐ-CP nói chung và các thông tin về quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường nói riêng.

**Kết quả 3:** Cộng đồng các xã Xuân Trạch, Phú Định được nâng cao năng lực về Luật tiếp cận thông tin và tiếp cận tốt hơn đến các thông tin về tài nguyên, môi trường, nông, lâm nghiệp thông qua các hoạt động truyền thông, nâng cao năng lực và hoạt động của các nhóm nòng cốt tại cộng đồng.

**Kết quả 4:** Từ các bài học kinh nghiệm của dự án, các báo cáo, đề xuất chính sách hoặc tư liệu hóa kinh nghiệm thực hiện các mô hình thí điểm được xây dựng và gửi tới các bên liên quan.

## IV. NHỮNG CẤU PHẦN VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA DỰ ÁN

### 1. Mục đích

Dự án góp phần thực hiện các chính sách liên quan đến Luật Tiếp cận thông tin, bảo vệ dữ liệu, chuyển đổi số và quản lý tài nguyên thiên nhiên - bảo vệ môi trường ở Việt Nam bằng cách cung cấp các bằng chứng thực hiện hiệu quả luật tiếp cận thông tin trong lĩnh vực quản lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường thông qua các mô hình thí điểm tại Quảng Bình.

### 2. Các kết quả dự kiến

Kết quả	Các chỉ số
<p><b>Kết quả 1:</b> Chuẩn hóa Trang thông tin điện tử các cơ quan cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã theo Nghị định 42/2022/NĐ-CP về cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến và Luật tiếp cận thông tin, đảm bảo nguyên tắc an toàn dữ liệu. Giúp người dân dễ tiếp cận đối với các thông tin do chính quyền địa phương</p>	<p>1.1. Các hoạt động nghiên cứu, khảo sát đánh giá về thực trạng về cung cấp thông tin theo các quy định của Luật Tiếp cận thông tin, Nghị định 42/2022/NĐ-CP nói chung và trong lĩnh vực quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường nói riêng ở các cơ quan quản lý nhà nước cấp địa phương cũng như nhu cầu tiếp cận thông tin ở cộng đồng được thực hiện từ đó có các thiết kế phù hợp cho trang TTĐT.</p> <p>1.2. Các cuộc họp, làm việc, tham quan giữa các mô hình và giữa các cơ quan chuyên môn, các nhà khoa học và các đơn vị thí điểm về đồng bộ hóa trang thông tin điện tử được thực hiện nhằm thống nhất được giao</p>

<p>ban hành, trong đó có các thông tin về quản lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường.</p>	<p>diện phù hợp.</p> <p>1.3. Trang thông tin điện tử của các sở ngành cấp tỉnh và 7 đơn vị cấp huyện, 151 đơn vị cấp xã tại Quảng Bình được chuẩn hóa theo quy định của Nghị định 42/2022/NĐ-CP về cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến và Luật tiếp cận thông tin. Xây dựng hệ thống phần mềm độc lập (liên kết với Cổng/trang thông tin điện tử) liên thông với hệ thống quản lý văn bản và điều hành, cho phép người dân tiếp cận ngay lập tức các văn bản khi cơ quan nhà nước các cấp ban hành.</p>
<p><b>Kết quả 2:</b> Các cơ quan quản lý nhà nước cấp tỉnh, huyện Bố Trạch và các xã Xuân Trạch, Phú Định, thị trấn Phong Nha được nâng cao năng lực từ đó thực hiện hiệu quả Luật Tiếp cận thông tin, Nghị định 42/2022/NĐ-CP nói chung và các thông tin về quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường nói riêng.</p>	<p>2.1. Các cuộc tham quan mô hình, hội thảo, chia sẻ kinh nghiệm về thực hiện luật tiếp cận thông tin, đồng bộ hóa thông tin lên trang thông tin điện tử giúp cán bộ địa phương hiểu rõ hơn về phương pháp và các thức triển khai.</p> <p>2.2. Các cuộc tập huấn và hỗ trợ về Luật tiếp cận thông tin, xây dựng quy chế nội bộ, bảo vệ dữ liệu, kỹ năng vận hành trang thông tin điện tử ở cấp xã và cấp huyện, tỉnh được thực hiện đồng thời ghi lại các video hướng dẫn chi tiết.</p> <p>2.3. Các bộ quy chế nội bộ về tiếp cận thông tin của cơ quan nhà nước được ban hành.</p> <p>2.4. Trang thông tin điện tử của UBND tỉnh Quảng Bình, các sở TTTT, TN&amp;MT, NN&amp;PTNT; UBND huyện Bố Trạch và các xã Xuân Trạch, Phú Định và Thị trấn Phong Nha được vận hành, các thông tin được tải lên theo quy định của Luật Tiếp cận thông tin và Nghị định 42/2022/NĐ-CP.</p> <p>2.5. Các thiết bị công nghệ được hỗ trợ để giúp địa phương thuận lợi hơn trong việc quản lý số: Hỗ trợ 03 bộ máy tính và máy scan ở các đơn vị cấp huyện tại huyện Bố Trạch, 03 bộ máy tính và máy scan và 02 bảng cung cấp thông tin được hỗ trợ tại 03 xã: Xuân Trạch, Phú Định, Thị trấn Phong Nha.</p>
<p><b>Kết quả 3:</b> Cộng đồng các xã Xuân Trạch, Phú Định được nâng cao năng lực về Luật tiếp cận thông tin và tiếp cận tốt hơn đến các thông tin về tài nguyên, môi trường, nông, lâm nghiệp thông qua các hoạt động truyền thông, nâng cao năng</p>	<p>3.1. Các hoạt động truyền thông hiệu quả về Luật tiếp cận thông tin và các thông tin liên quan đến Luật Đất đai, Luật Lâm nghiệp, Luật bảo vệ môi trường được thực hiện tại địa phương thông qua xây dựng và phổ biến tài liệu truyền thông như: Sổ tay, tờ rơi, pano, áp phích...các bài truyền thanh thông qua hệ thống loa phát thanh tại địa phương.</p> <p>3.2. Các hoạt động tập huấn, nâng cao năng lực về Luật tiếp cận thông tin, kỹ năng tìm kiếm thông tin,</p>

lực và hoạt động của các nhóm nòng cốt tại cộng đồng.	trong đó có thông tin về tài nguyên, môi trường trên trang thông tin điện tử cho cộng đồng tại các thôn.  3.3. Có khoảng 30 thành viên nhóm nòng cốt (hoặc tổ công nghệ số cộng đồng) được đào tạo và hoạt động hiệu quả nhằm hỗ trợ cộng đồng trong tiếp cận thông tin thông qua công nghệ số.
<b>Kết quả 4:</b> Từ các bài học kinh nghiệm của dự án, các báo cáo, đề xuất chính sách hoặc tư liệu hóa kinh nghiệm thực hiện các mô hình thí điểm được xây dựng và gửi tới các bên liên quan.	4.1. Các tài liệu được tổng hợp và tư liệu hóa thông qua các bài học kinh nghiệm ở mô hình cấp xã, huyện, tỉnh. Các hội thảo, tọa đàm chính sách với sự tham gia của các nhà khoa học, chính quyền địa phương, đại diện cộng đồng liên quan đến Luật Luật đất đai/ Luật Lâm nghiệp/Luật bảo vệ môi trường và các văn bản pháp lý dưới luật nghiên cứu đánh giá quản trị dữ liệu trong Luật Đất đai/Luật Lâm nghiệp/Luật bảo vệ môi trường, Luật Tiếp cận thông tin/ Nghị định 42/2022/NĐ-CP.  4.2. Các tóm tắt hoặc khuyến nghị chính sách được gửi đến chính quyền địa phương hoặc trung ương.

### 3. Tổ chức thực hiện

Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông là đơn vị làm chủ dự án, phối hợp với Trung tâm Nghiên cứu Quản trị Tài nguyên Vùng cao. Đồng thời, phối hợp với chính quyền địa phương các cấp trong quá trình triển khai dự án nhằm đạt được kết quả tốt nhất. Các hoạt động được phân theo hai nhóm mục tiêu chính, cụ thể như sau:

Hoạt động chính	Địa điểm	Thời gian dự kiến	Đơn vị phụ trách chính	Phối hợp
<b>Mục tiêu 01: Năng lực thực thi Luật Tiếp cận thông tin nói chung và tiếp cận thông tin trong lĩnh vực bảo vệ tài nguyên và môi trường tại Quảng Bình được cải thiện, qua đó đóng góp cho sự phát triển bền vững của địa phương.</b>				
<i>Mô hình sẽ giúp chuẩn hóa Trang thông tin điện tử cấp tỉnh, cung cấp thông tin trực tuyến theo quy định của Nghị định 42/2022/NĐ-CP (Đ42) về cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến và Luật Tiếp cận thông tin (LAI).</i>				
1.1.1. Khảo sát nhu cầu thông tin trong quản lý tài nguyên và môi trường và thực trạng cung cấp trực tuyến các thông tin liên quan đến QLTN, những thách thức trong việc thực hiện Luật TN&MT và Luật Tiếp cận thông tin trong QLTN.	Quảng Bình	T7/2024	TTCNTT	CEGORN; Chính quyền địa phương cấp tỉnh, huyện, xã và cộng đồng tại Quảng Bình.

Hoạt động chính	Địa điểm	Thời gian dự kiến	Đơn vị phụ trách chính	Phối hợp
1.1.2. Tổ chức chuyên tham quan tại Hà Giang cho lãnh đạo, cán bộ tỉnh, các sở, huyện khu vực dự án về mô hình chuyển đổi số và đồng bộ trang thông tin điện tử.	Hà Giang	T8/2024	TTCNTT	CEGORN; Chính quyền địa phương cấp tỉnh, huyện, xã và cộng đồng tại Quảng Bình và Hà Giang.
1.1.3. Tổ chức hội thảo cấp tỉnh chia sẻ thực trạng và giải pháp thúc đẩy thực thi Luật tiếp cận thông tin, bảo vệ dữ liệu.	Đồng Hới, Quảng Bình	T8/2024	TTCNTT	CEGORN; Chính quyền địa phương cấp tỉnh, huyện, xã, cộng đồng tại Quảng Bình.
1.1.4. Tổ chức các cuộc họp kỹ thuật và làm việc giữa TTCNTT và các bên liên quan về việc xây dựng hệ thống phần mềm độc lập (liên kết với Cổng/trang thông tin điện tử) liên thông với hệ thống quản lý văn bản và điều hành và việc nhân rộng mô hình xã Xuân Trạch (đã triển khai trước đây) tại 02 xã ở huyện Bố Trạch và chuẩn bị hội thảo cấp tỉnh.	Quảng Bình	T8-11/2024	TTCNTT	CEGORN
1.1.5. Tổ chức các cuộc làm việc kỹ thuật giữa TTCNTT và các Sở, Ban ngành liên quan trong việc xây dựng chuyên mục Tiếp cận thông tin và xây dựng hệ thống phần mềm độc lập (liên kết với Cổng/trang thông tin điện tử) liên thông với hệ thống quản lý văn bản và điều hành theo Luật Tiếp cận thông tin và theo Nghị định 42/2022/NĐ-CP.	Quảng Bình	T8-10/2024	TTCNTT	Các cơ quan cấp sở: Sở Tài nguyên Môi trường, Sở NN&PTNT, Sở Tư pháp, VP.UBND tỉnh...

Hoạt động chính	Địa điểm	Thời gian dự kiến	Đơn vị phụ trách chính	Phối hợp
1.1.6. Hỗ trợ kỹ thuật đồng bộ hóa thông tin trên Trang thông tin điện tử các cấp (Sở, ban, ngành, huyện, xã) đảm bảo tuân thủ Luật Tiếp cận thông tin và Nghị định 13/2023/NĐ-CP về Bảo vệ dữ liệu cá nhân, ND42. trong đó xây dựng chuyên mục Tiếp cận thông tin trên trang thông tin điện tử các cấp.	Quảng Bình	T10/2024 - T5/2025	TTCNTT	Đơn vị kỹ thuật
1.1.7. Hỗ trợ tư vấn, phản biện, góp ý hoàn thiện các trang thông tin điện tử liên quan đến việc xây dựng chuyên mục Tiếp cận thông tin và xây dựng hệ thống phần mềm độc lập (liên kết với Cổng/trang thông tin điện tử) liên thông với hệ thống quản lý văn bản và điều hành	Quảng Bình	T11/2024 - T06/2025	TTCNTT	
1.1.8. Hỗ trợ công ngoài giờ cho nhân viên các đơn vị cập nhật thông tin lên trang thông tin điện tử từ tháng 7/2018 (Sở TNMT, Sở NN&PTNT, VPUBND huyện Bố Trạch, UBND 3 xã thực hiện dự án)	Quảng Bình	T12/2024 - T8/2025	TTCNTT	
1.1.9. Thực hiện các khóa Tập huấn online hướng dẫn vận hành trang thông tin điện tử cấp xã và cấp huyện, tỉnh theo ND42, Luật Tiếp cận thông tin, trong đó có các thông tin trong quản lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường.	Quảng Bình	T01/2025 đến 8/2025	TTCNTT	CEGORN; địa phương cấp xã, huyện, tỉnh tại Quảng Bình.
1.1.10. Xây dựng 03 video hướng dẫn vận hành trang thông tin điện tử cấp xã và hướng dẫn cập nhật Chuyên mục tiếp cận thông tin	Quảng Bình	T01/2025 đến 8/2025	TTCNTT	
1.1.11. Tư liệu hóa mô hình cấp xã, huyện, tỉnh.	Quảng Bình	T8/2025- T10/2026	TTCNTT	Chuyên gia

Hoạt động chính	Địa điểm	Thời gian dự kiến	Đơn vị phụ trách chính	Phối hợp
<b>1.2. Thúc đẩy thực thi Luật tiếp cận thông tin tại huyện Bồ Trạch</b>				
1.2.1. Tập huấn, hướng dẫn xây dựng quy chế nội bộ về cung cấp thông tin theo luật tiếp cận thông tin cho các xã tại Bồ Trạch và VP UBND huyện Bồ Trạch.	Quảng Bình	T10/2024	TTCNTT	CEGORN; UBND huyện Bồ Trạch
1.2.2. Tổ chức hội thảo - tập huấn chia sẻ tình hình thực thi Luật Tiếp cận thông tin tại cấp xã và các phòng ban cấp huyện trong lĩnh vực quản lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường và chuyển đổi số và an toàn dữ liệu cấp huyện và cán bộ các xã thí điểm và tập huấn online đối với các đơn vị khác	Quảng Bình	T10-12/2024	TTCNTT	Chính quyền địa phương huyện Bồ Trạch
1.2.3. Tư vấn xây dựng các dự thảo quy chế nội bộ về cung cấp thông tin và quy trình bảo mật thông tin của UBND huyện, xã và các phòng ban liên quan.	Bồ Trạch	T11/2024-4/2025	TTCNTT	chính quyền huyện Bồ Trạch và các xã Xuân Trạch, Phú Định và TT Phong Nha.
1.2.4. Hỗ trợ 03 bộ máy tính và máy Scan cho các đơn vị thuộc UBND huyện Bồ Trạch	Bồ Trạch	T12/2024-02/2025	TTCNTT	
1.2.5. Phối hợp các đơn vị truyền thông tỉnh, huyện thực hiện truyền thanh pháp luật về tiếp cận thông tin, đất đai, tài nguyên, lâm nghiệp...trên hệ thống loa truyền thanh huyện, xã, thôn	Bồ Trạch	T10/2024 - T5/2026	TTCNTT	
<b>1.3. Thúc đẩy thực thi Luật Tiếp cận thông tin cấp xã tại xã Xuân Trạch (huyện Bồ Trạch) và các điểm xã nhân rộng của huyện Bồ Trạch</b>				
1.3.1. Tổ chức tập huấn có yếu tố lồng ghép giới về tiếp cận thông tin, quản lý bền vững TNTN và bảo vệ môi trường, kỹ năng tìm kiếm thông tin qua trang TTĐT cấp xã.	03 xã thuộc Bồ Trạch	T2/2025-T8/2025	TTCNTT	CEGORN; chính quyền xã Xuân Trạch, Phú Định, TT.Phong Nha.

Hoạt động chính	Địa điểm	Thời gian dự kiến	Đơn vị phụ trách chính	Phối hợp
1.3.2. Tập huấn TOT Luật Tiếp cận thông tin, chuyển đổi số cho các tổ truyền thông tại cộng đồng.	03 xã thuộc Bồ Trạch	T12/2024 -T9/2025	TTCNTT	CEGORN; chính quyền xã Xuân Trạch, Phú Định, TT.Phong Nha.
1.3.3. Hỗ trợ trang thiết bị cho 03 xã thực hiện dự án gồm: 03 bộ máy tính, 03 máy scan, 03 cụm loa truyền thanh, 01 tủ tài liệu, 02 bảng công khai thông tin	03 xã thuộc Bồ Trạch	T12/2024 -05/2025	TTCNTT	
1.3.4. Tổ chức các cuộc tập huấn cho cộng đồng các thôn tại xã điểm về Luật tiếp cận thông tin và kỹ năng khai thác thông tin	03 xã thuộc Bồ Trạch	T4-9/2025	TTCNTT	CEGORN; chính quyền xã Xuân Trạch, Phú Định, TT.Phong Nha.
1.3.5. Xây dựng và in ấn, lắp đặt tài liệu truyền thông: sổ tay, banner, áp phích, tài liệu truyền thông về Luật Tiếp cận thông tin và tiếp cận thông tin trong quản lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường cho các điểm xã dự án	03 xã thuộc Bồ Trạch	T04-10/2025	TTCNTT	CEGORN; chính quyền xã Xuân Trạch, Phú Định, TT.Phong Nha.
1.3.6. Đánh giá cuối kỳ về tình hình thực thi Luật TCTT nói chung và Luật TCTT trong quản lý tài nguyên bền vững và bảo vệ môi trường tại 03 mô hình.	Quảng Bình	7-10/2026	TTCNTT	CEGORN; Chính quyền địa phương cấp tỉnh, huyện, xã và cộng đồng tại Quảng Bình
<b>Mục tiêu 02. Các chính sách và pháp luật về tiếp cận thông tin nói chung và tiếp cận thông tin trong lĩnh vực về quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường phù hợp với chủ trương chuyển đổi số của Chính phủ được thực thi hiệu quả qua quá trình nghiên cứu và góp ý dựa trên cơ sở kinh nghiệm thực tiễn.</b>				
2.1. Tiến hành cuộc khảo sát nhanh về tình hình thực thi Luật TCTT, Nghị định 42/2022/NĐ-CP trong quản lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường.	Quảng Bình	T6-10/2025	TTCNTT	CEGORN; Chính quyền địa phương cấp tỉnh, huyện, xã và cộng đồng tại Quảng Bình.

Hoạt động chính	Địa điểm	Thời gian dự kiến	Đơn vị phụ trách chính	Phối hợp
2.2. Tổ chức hội thảo chính sách về Luật đất đai/ Luật Lâm nghiệp/Luật bảo vệ môi trường và các văn bản pháp lý dưới luật nghiên cứu đánh giá quản trị dữ liệu trong Luật Đất đai/Luật Lâm nghiệp/Luật bảo vệ môi trường	Quảng Bình	T11/2025 -T3/2026	TTCNTT	CEGORN; Sở NN&PTNT, Sở TNMT và các cơ quan liên quan.
2.3. Biên soạn các tóm tắt chính sách	Quảng Bình	T8/2024-9/2026	TTCNTT	CEGORN
2.4. Hội thảo tọa đàm chính sách hoặc sự kiện chính sách cấp tỉnh, địa phương để thảo luận khuyến nghị về Nghị định 42/2022/NĐ-CP/Luật TCTT trong quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.	Quảng Bình	T11-12/2025	TTCNTT	CEGORN; Chính quyền địa phương cấp tỉnh, huyện, xã và cộng đồng tại Quảng Bình.
2.5. Gửi các báo cáo tóm tắt chính sách	Quảng Bình	T5/2024 - T9/2026	TTCNTT	CEGORN
2.6. Mua sắm máy tính cho cán bộ thực hiện dự án	Quảng Bình	Tháng 8/2024	TTCNTT	

**4. Thời gian bắt đầu và kết thúc:** Từ 15/7/2024 đến 31/10/2026

#### **5. Dự kiến nguồn lực**

Nguồn lực thực hiện dự kiện là cán bộ thuộc hai tổ chức là Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông tỉnh Quảng Bình và Trung tâm Nghiên cứu Quản trị Tài nguyên Vùng cao.

#### **V. NGÂN SÁCH DỰ ÁN**

**1. Tổng vốn của dự án: 160,597.4 EUR** nguyên tệ, tương đương **4,242,180,000 đồng** (Bốn tỉ hai trăm bốn mươi hai triệu một trăm tám mươi nghìn đồng).

Trong đó:

a) Vốn viện trợ không hoàn lại: **160,597.4 EUR** nguyên tệ, tương đương **4,242,180,000 đồng** (Bốn tỉ hai trăm bốn mươi hai triệu một trăm tám mươi nghìn đồng).

(Theo tỷ giá chuyển đổi do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm xây dựng Văn kiện dự án)

b) Vốn đối ứng: 0 đồng.

c) Vốn do các bên quản lý, thực hiện:

- Chủ dự án: Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông Quảng Bình

Tiền mặt: **160,597.4 EUR** nguyên tệ, tương đương **4,242,180,000 đồng** (Bốn tỉ hai trăm bốn mươi hai triệu một trăm tám mươi nghìn đồng).

d) Vốn viện trợ: Không thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước

## 2. Cơ cấu vốn

Chi phí	Ngân sách dự án (EUR)	Ngân sách dự án (VND)	Tỉ lệ %
Chi phí nhân sự	62,044.3	1,638,900,000	39%
Đi lại	1,741.4	46,000,000	1%
Hoạt động dự án (Đào tạo, Hội thảo, họp, khảo sát, dịch vụ tư vấn, mua sắm thiết bị tại Việt Nam)	89,959.5	2,376,280,000	56%
Chi phí khác (Kiểm toán và phê duyệt dự án)	2,082.2	55,000,000	1%
Chi phí hành chính, văn phòng	4,770.0	126,000,000	3%
<b>Tổng</b>	<b>160,597.4</b>	<b>4,242,180,000</b>	<b>100.0%</b>

## 3. Cơ chế tài chính áp dụng

Cơ chế tài chính áp dụng đối với vốn viện trợ: Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông tỉnh Quảng Bình là chủ dự án và trực tiếp ký hợp đồng dự án. Việc chuyển kinh phí hoạt động và thanh quyết toán, sẽ được thực hiện theo bản đề xuất văn kiện dự án. Theo đó, Nhà tài trợ Stichting Oxfam NOVIB sẽ chuyển tiền trực tiếp vào tài khoản của TTCNTT theo như trong bảng ngân sách đã thống nhất và thời gian chuyển tiền theo từng đợt được thống nhất với nhà tài trợ.

## VI. CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CỦA DỰ ÁN

### 1. Hình thức giải ngân

Ngân sách được giải ngân qua tài khoản tiền EUR của Trung tâm Công nghệ Thông tin và Truyền thông tỉnh Quảng Bình được mở tại Ngân hàng Công thương Việt Nam (VietinBank) - Chi nhánh Quảng Bình sau đó được quy đổi ra tiền Việt Nam (VND) tại cùng ngân hàng để thực hiện thanh quyết toán chi phí dự án.

### 2. Tổ chức công tác kế toán, thanh quyết toán

TTCNTT thực hiện công tác thanh quyết toán theo quy định của Luật Tài chính kế toán Việt Nam năm 2015.

### 3. Trách nhiệm quản lý vốn (mở tài khoản, chủ tài khoản...)

- TTCNTT mở tài khoản tiền gửi và chi tiêu tài chính theo tiến độ thực hiện của dự án.

- Các nội dung chi tiêu dự án tuân thủ theo định mức tài chính của TTCNTT, CEGORN và theo thực tế, nhưng không vượt quá định mức của nhà tài trợ.

- TTCNTT thực hiện báo cáo tiến độ của toàn thể dự án (hoạt động và tài chính) 06 tháng/lần với nhà tài trợ và báo cáo với các cơ quan Nhà nước theo quy định.

#### **4. Kiểm toán dự án**

Nguồn ngân sách dự án không thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước và được quyết toán với Nhà tài trợ. TTCNTT xây dựng dự toán giải ngân theo quy định của quy chế chi tiêu nội bộ và quyết định phê duyệt dự án.

### **VII. TỔ CHỨC QUẢN LÝ VÀ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN DỰ ÁN**

Dự án đề nghị phê duyệt dưới 200.000 USD nên không thành lập Ban quản lý dự án. TTCNTT là đơn vị trực tiếp quản lý dự án sẽ ra quyết định cử cán bộ tham gia dự án, đồng thời sử dụng nhân sự của đơn vị phối hợp CEGORN để triển khai thực hiện dự án.

#### **Cơ cấu tổ chức thực hiện dự án bao gồm:**

1. Giám đốc dự án: là Phó giám đốc của TTCNTT, chịu trách nhiệm Quản lý chung toàn thể dự án tại tỉnh Quảng Bình, chịu trách nhiệm quản lý và cập nhật các hoạt động liên quan của dự án.

2. Hỗ trợ dự án: là Phó giám đốc của CEGORN, chịu trách nhiệm hỗ trợ thực hiện dự án tại tỉnh Quảng Bình và chịu trách nhiệm cập nhật thông tin và tiến độ dự án liên quan, lập kế hoạch và phân công nhiệm vụ. Báo cáo, cập nhật thông tin dự án cho giám đốc dự án.

3. Cán bộ hỗ trợ Truyền thông dự án: là cán bộ của TTCNTT, chịu trách nhiệm liên hệ với các bên liên quan để triển khai hoạt động đảm bảo tiến độ và chất lượng. Phối hợp với cán bộ dự án hỗ trợ các hoạt động truyền thông trong khuôn khổ dự án.

4. Cán bộ thực địa dự án: là cán bộ của CEGORN, chịu trách nhiệm tham gia phối hợp trong các hoạt động của dự án tại tỉnh Quảng Bình.

5. Cán bộ kỹ thuật và thúc đẩy các hoạt động của chuyển đổi số: là cán bộ của TTCNTT, chịu trách nhiệm chính thực hiện các hoạt động về công nghệ và chuyển đổi số, hướng dẫn và đồng hành đối với các nhóm hưởng lợi về vấn đề công nghệ trong suốt quá trình thực hiện dự án. Thúc đẩy và hỗ trợ việc cập nhật thông tin lên trang thông tin điện tử.

6. Trợ lý kỹ thuật: là cán bộ của TTCNTT, chịu trách nhiệm hỗ trợ các vấn đề kỹ thuật cho cán bộ kỹ thuật đối với các vấn đề liên quan đến quản lý và truy cập thông tin tại trung tâm dữ liệu điện tử.

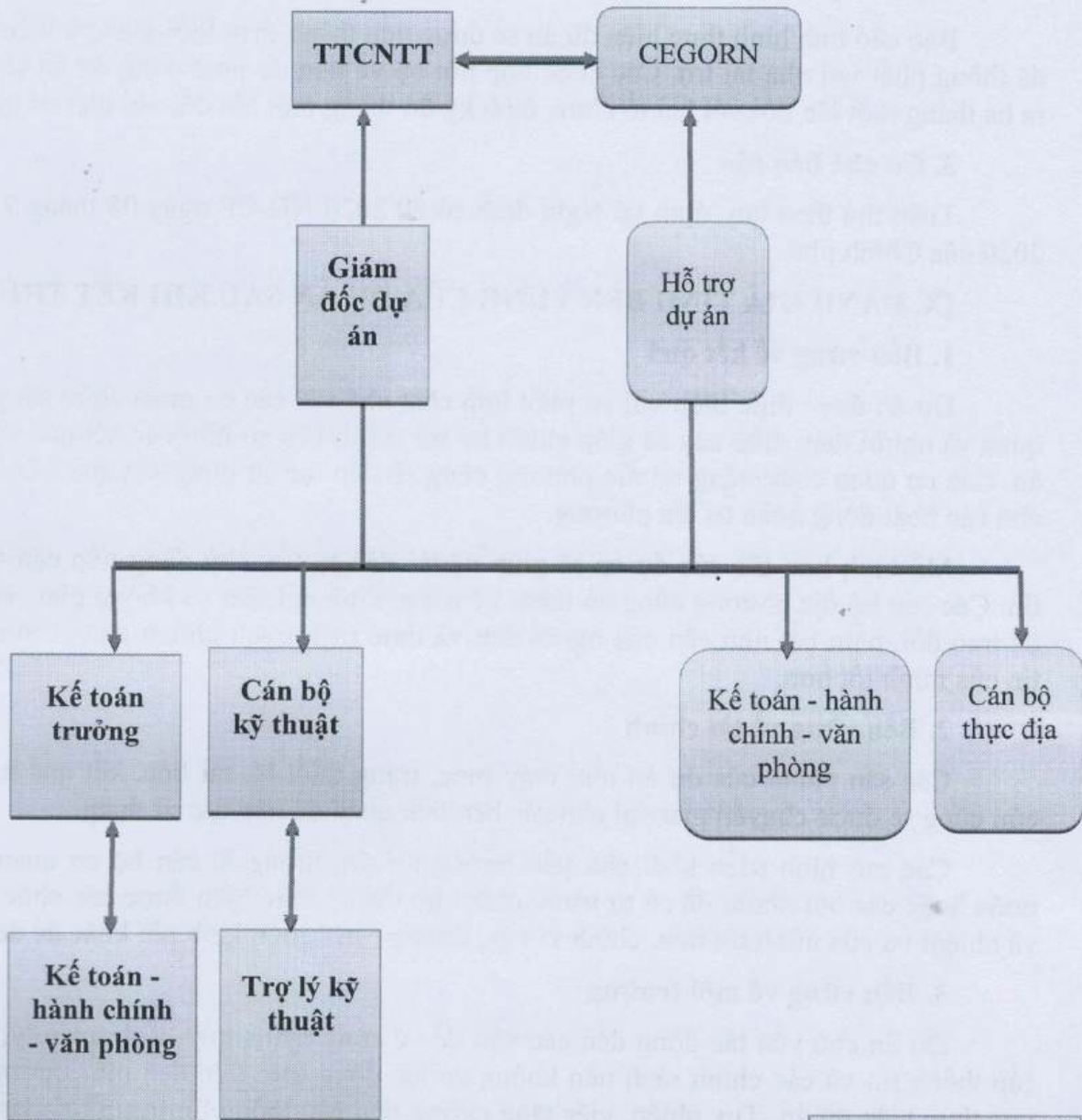
7. Kế toán trưởng dự án: là cán bộ của TTCNTT, chịu trách nhiệm quản lý chung tài chính toàn bộ dự án, hỗ trợ và tham gia các hoạt động kiểm toán, thanh quyết toán của toàn dự án.

8. Kế toán - Hành chính - Văn phòng dự án (TTCNTT): là cán bộ của TTCNTT, chịu trách nhiệm quản lý, giám sát và thực hiện báo cáo tài chính, thanh quyết toán đối với các hoạt động do TTCNTT phụ trách. Thực hiện các báo cáo tài chính, thanh quyết toán của dự án. Thực hiện các công tác hành chính, văn phòng bao gồm

công văn, giấy tờ, theo dõi và cập nhật lịch trình và các công việc tại văn phòng trong khuôn khổ dự án.

9. Kế toán - Hành chính - Văn phòng dự án (CEGORN): là cán bộ của CEGORN, chịu trách nhiệm quản lý, giám sát tài chính dự án và thực hiện hỗ trợ thanh quyết toán, báo cáo tài chính. Thực hiện các công tác hành chính, văn phòng bao gồm công văn, giấy tờ, theo dõi và cập nhật lịch trình và các công việc tại văn phòng trong khuôn khổ dự án.

**Sơ đồ tổ chức thực hiện dự án**



Ghi chú:

Nhân sự TTCNTT

Nhân sự CEGORN

## VIII. THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ DỰ ÁN

### 1. Chi tiết kế hoạch theo dõi, đánh giá thực hiện dự án

Ngoài sự tham gia, đánh giá độc lập của Nhà tài trợ Oxfam, việc theo dõi, đánh giá dự án sẽ được theo sát bởi Giám đốc dự án và cán bộ hỗ trợ dự án nhằm thúc đẩy việc thực hiện các hoạt động đúng tiến độ và đảm bảo được kết quả dự kiến.

Các hoạt động đánh giá dự án đã được thiết kế trong các dòng hoạt động như trong đề xuất dự án bao gồm đánh giá đầu kỳ, cuối kỳ dự án, đồng thời thường xuyên thực hiện công tác giám sát, đánh giá và học hỏi trong suốt quá trình thực hiện dự án.

### 2. Chế độ kiểm tra, báo cáo của dự án

Báo cáo tình hình thực hiện dự án sẽ được tiến thành theo thời gian và biểu mẫu đã thống nhất với nhà tài trợ. Các cuộc họp nội bộ về tiến độ hoạt động dự án sẽ diễn ra ba tháng một lần đối với hai tổ chức, định kỳ 06 tháng một lần đối với nhà tài trợ.

### 3. Cơ chế báo cáo

Tuân thủ theo quy định tại Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ.

## IX. ĐÁNH GIÁ TÍNH BỀN VỮNG CỦA DỰ ÁN SAU KHI KẾT THÚC

### 1. Bền vững về kết quả

Dự án được thực hiện với sự phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng liên quan và người dân, điều này sẽ giúp chính họ trở thành bên sở hữu các kết quả của dự án. Các cơ quan chức năng tại địa phương cũng sẽ tiếp tục sử dụng kết quả của dự án cho các hoạt động quản trị địa phương.

Mô hình hợp tác của dự án sẽ giúp người dân tự tin, chủ động tiếp cận thông tin. Các cán bộ địa phương cũng có thêm kỹ năng, kinh nghiệm và không gian, cơ hội để trao đổi, nắm bắt nhu cầu của người dân và thực hiện trách nhiệm cung cấp thông tin của mình tốt hơn.

### 2. Bền vững về tài chính

Các sản phẩm của dự án như máy móc, trang thiết bị, tài liệu, kết quả nghiên cứu cũng sẽ được chuyển giao lại cho các bên liên quan để tiếp tục sử dụng.

Các mô hình triển khai chủ yếu hướng tới đối tượng là cán bộ cơ quan Nhà nước hoặc các hội nhóm đã có từ trước nhằm hỗ trợ họ thực hiện được các chức năng và nhiệm vụ của mình tốt hơn, chính vì vậy, không cần nguồn kinh phí khác để duy trì.

### 3. Bền vững về môi trường

Dự án chủ yếu tác động đến các vấn đề về công nghệ, quy trình quản lý, cung cấp thông tin và các chính sách nên không có tác động trực tiếp đến môi trường khu vực thực hiện dự án. Tuy nhiên, việc tăng cường tiếp cận thông tin trong lĩnh vực môi trường sẽ giúp cho các hoạt động quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường ở địa phương trở nên hiệu quả, từ đó góp phần vào mục tiêu phát triển bền vững.